

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VỆ SINH MÔI TRƯỜNG THỊNH PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VỆ SINH MÔI TRƯỜNG THỊNH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THINH PHAT ENVIRONMENTAL SANITATION CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THINH PHAT ENVIRONMENTAL SANITATION CONSTRUCTION CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110412221

**3. Ngày thành lập:** 10/07/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Hữu Cước, Xã Liên Hồng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988.740.116

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này.<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>+ Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động,<br>+ Dây dẫn chống sét,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng<br>+ Hệ thống âm thanh<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4390     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Khảo sát xây dựng;<br>- Kiểm định xây dựng;<br>- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.<br>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng<br>- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình<br>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng<br>- Tư vấn đấu thầu<br>- Lập thiết kế quy hoạch xây dựng<br>- Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng<br>- Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; giám sát công tác hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy; tư vấn chuyển giao công nghệ về phòng cháy chữa cháy, tư vấn thẩm định về phòng cháy chữa cháy. | 7110 |
| 6.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7120 |
| 7.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất, Thiết kế nội - ngoại thất công trình;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7410 |
| 8.  | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4912 |
| 9.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4933 |
| 10. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                      | 7730 |
| 11. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8121 |
| 12. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8129 |
| 13. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8130 |
| 14. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3290 |
| 15. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3312 |
| 16. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3314 |
| 17. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3315 |
| 18. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3319 |
| 19. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3320 |
| 20. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3700 |
| 21. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3811 |
| 22. | Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3821 |

|     |                                                                     |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-------------|
| 23. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác                   | 3900        |
| 24. | Xây dựng nhà để ở                                                   | 4101(Chính) |
| 25. | Xây dựng nhà không để ở                                             | 4102        |
| 26. | Xây dựng công trình đường sắt                                       | 4211        |
| 27. | Xây dựng công trình đường bộ                                        | 4212        |
| 28. | Xây dựng công trình điện                                            | 4221        |
| 29. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                 | 4222        |
| 30. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                  | 4223        |
| 31. | Xây dựng công trình công ích khác                                   | 4229        |
| 32. | Xây dựng công trình thủy                                            | 4291        |
| 33. | Xây dựng công trình khai khoáng                                     | 4292        |
| 34. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                               | 4293        |
| 35. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                          | 4299        |
| 36. | Phá dỡ<br>(Trừ hoạt động nổ mìn)                                    | 4311        |
| 37. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phá bom mìn) | 4312        |
| 38. | Lắp đặt hệ thống điện                                               | 4321        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: TRINH QUỐC TUẤN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 07/07/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001090006454

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Hữu Cước, Xã Liên Hồng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Hữu Cước, Xã Liên Hồng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRỊNH QUỐC TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/07/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001090006454

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Hữu Cước, Xã Liên Hồng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Hữu Cước, Xã Liên Hồng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội